TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƯ SÊ** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2018/HNGĐ-ST
Ngày 15/11/2018
"V/v Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Sỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Hoa.

2. Ông Siu Tơ Lul.

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Yến, cán bộ Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị Thanh Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2018 về việc "Tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Minh T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đội 14, thôn K, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Chị Tạ Thị Ánh N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Tổ 6, thị trấn C, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/7/2018, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là anh Nguyễn Minh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Tạ Thị Ánh N qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không hợp tính cách, bất đồng quan điểm sống. Đến giữa năm 2015, chị N về

nhà ba mẹ ruột ở cho đến nay. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, đời sống chung không thể kéo dài nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Tạ Thị Ánh N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, anh và chị N có 01 con chung tên cháu là Tạ Thái T, sinh ngày 20/9/2014. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng để cháu T cho chị N nuôi dưỡng, anh có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng cho đến khi cháu trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh và chị N không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình.

Tại bản tự khai đề ngày 01/8/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị Tạ Thị Ánh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 25/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Sau khi kết hôn, thời gian đầu chị và anh T chung sống hạnh phúc, đến khi chị có bầu được 03 tháng, khoảng tháng 3/2014 anh T đưa chị về nhà mẹ đẻ ở cho tiện tiệc sinh nở. Từ đó cho đến nay anh T đã bỏ đi, không quan tâm đến việc sinh nở và cuộc sống của mẹ con chị rất khó khăn, phải nhờ bố mẹ chị nuôi dưỡng. Chị và anh T không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2014 cho đến nay. Chị không đồng ý ly hôn với anh T, chị chỉ đồng ý ly hôn với anh T nếu anh T đồng ý cấp Dưỡng nuôi con một lần số tiền là 252.000.000 đồng.

Tại phiên tòa chị N đồng ý ly hôn với anh T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh T có 01 con chung tên cháu là Tạ Thái T, sinh ngày 20/9/2014. Sau khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con và yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T một lần là 252.000.000 đồng, không đồng ý việc anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị và anh T không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư Sê phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh T và chị Tạ Thị Ánh N; Về con chung: Tạ Thái T, sinh ngày 20/9/2014 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con: buộc anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu T số tiền 1.500.000đ/tháng cho đến khi cháu

trưởng thành và có khả năng lao động được; Về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí, lệ phí theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 300.000đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 16/7/2018, nguyên đơn là anh Nguyễn Minh T có đơn khởi kiện ly hôn với chị Tạ Thị Ánh N và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của anh T đúng quy định, chị N có nơi cư trú tại tổ dân phố 6, thị trấn C, huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Minh T và chị Tạ Thị Ánh N và yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T thấy rằng:

Anh Nguyễn Minh T và chị Tạ Thị Ánh N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn ngày 25/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Bình Định. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Quá trình tố tụng chị N không đồng ý ly hôn với anh T. Tuy nhiên tại phiên tòa, chị N đồng ý ly hôn với anh T nên Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Minh T và chị Tạ Thị Ánh N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Trong quá trình chung sống, anh T và chị N có 01 con chung là cháu Tạ Thái T, sinh ngày 20/9/2014. Anh T và chị N thống nhất giao cháu T cho chị N nuôi dưỡng do đó Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T đề nghị được cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000đồng/tháng cho đến khi con trưởng thành và có thể tự lập được; chị N

yêu cầu anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là cháu T một lần là 252.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Hiện nay anh T không có tài sản riêng, bản thân anh T đi làm thuê, thu nhập không ổn định, nên Hội đồng xét xử xét thấy anh T không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con một lần số tiền là 252.000.000 đồng như chị N yêu cầu. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của anh T và nhu cầu thiết yếu của cháu T, buộc anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Tạ Thái T mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T thành niên và có thể tự lập được. Chị N được nhận số tiền này để nuôi dưỡng cháu T.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

[5] Về án phí: Buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn và gia đình và 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, Điều 227, Điều 228, khoản 4 Điều 147 và Điều 266 Bộ Luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Minh T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Minh T và chị Tạ Thị Ánh N.

2. Về con chung: Giao cháu Tạ Thái T, sinh ngày 20/9/2014 cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng là 1.500.000 đồng cho đến khi cháu T thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Chị N được nhận số tiền này.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Buộc anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình và 300.000đồng tiền án phí dân sự về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0007529 ngày 17/7/2018 của Chi cục thi hành án huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai. Anh T còn phải nộp tiếp 300.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo:

Bị đơn là chị Tạ Thị Ánh N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (15/11/2018). Nguyên đơn là anh Nguyễn Minh T vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự (02 bản);
-VKSND huyện Chư Sê (02 bản);
- Chi cục THADS huyện Chư Sê (01 bản);
- TAND tỉnh Gia Lai (01 bản);
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu HSVA (01 bản);
- Lưu VT (01 bản).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Võ Tiến Sỹ